

B'Laos, ngày 25 tháng 6 năm 2026

**CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

1. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Lộc Sơn năm học 2026-2027

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

	Tổng số	Nữ	BC	HD	Trình độ đào tạo		
					Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	01	01	0	0	1	0
Phó Hiệu trưởng	02		02	0	0	1	01
Giáo viên - TPT	49	39	40	09	0	47	02
Nhân viên	05	05	04	01	0	05	0
Cộng	57	45	47	10	0	54	03

b) Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	Th Sĩ	Đ H	C Đ	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	TB
	Tổng số GV, CB, NV	57	57	03	50	04						
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	48	48	02	46	0	15	33	0	41	07	0
1	Toán - tin	11	11	02	09	00	03	08	00	10	01	00
2	KHTN (Lý, Hoá, Sinh, TD	11	11	00	11	00	03	08	00	10	01	00
3	Văn - CD	10	10	00	10	00	04	06	00	08	02	0
4	Tiếng Anh	06	06	00	06	0	01	05	00	04	02	0
5	Mỹ thuật	02	02	00	02	00	01	01	00	02	00	0
6	Âm nhạc	01	01	00	01	00	01	00	00	01	00	0
70	KHXX (lịch	07	07	00	07	00	02	05	00	06	01	0

	sử – địa lý)											
II	TPT (Toán)	01	01	00	01	00	00	01	00	01	00	0
III	Cán bộ QL											
1	Hiệu trưởng	01	01	00	01	00	00	01	00	01	00	00
2	Phó hiệu trưởng	02	02	01	01	00	00	02	00	02	00	00
III	Nhân viên											
1	NV kế toán	01	01	00	01							
2	Thư viện	01	01	00	00	01						
3	NV văn thư	01	01	00	00	00	01					
4	NV Y tế	01	01	00	00	00	01					
5	NV thiết bị-thủ quỹ	01	01	00	00	00	01					

c) Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm là 100%.

2. Công khai thông tin cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung.

2.1. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	1.07
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	6	1,55
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1.07
8	Bình quân học sinh/lớp	46.2/lớp	1.07
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	14.187	13.28
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6000	5.6
VI	Tổng diện tích các phòng	1623.36	1.52
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1.07
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	50	1.12
3	Diện tích thư viện (m ²)	50	1.12
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	100	1.66
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn, Đội, phòng truyền thống (m ²)	32	1.33
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	5	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 6	1	8 lớp
1.2	Khối lớp 7	1	7 lớp
1.3	Khối lớp 8	0	8lớp
1.4	Khối lớp 9	0	8 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8	1	8 lớp
2.4	Khối lớp 9	1	8 lớp
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	23	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	
5	Thiết bị khác...	1	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	16	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	
5	Thiết bị khác...	1	

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng tổng diện tích (m²)	Số chỗ	diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

XV	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	1	0	0
XVI	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XVII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	0
XVIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	0
XIX	Kết nối internet (ADSL)	X	0
XX	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	0
XXI	Tường rào xây	x	0

2.2. Danh mục sách sử dụng trong nhà trường.

- Sách giáo khoa: khối 6;7;8;9 – bộ kết nối tri thức với cuộc sống.
- Sách nghiệp vụ.
- Sách tham khảo.
- Sách pháp luật.
- Sách thiếu nhi

3. Thông tin về kết quả đáng giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

- Trường THCS Lộc Sơn đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Lộc Sơn đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

- Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

- Trường THCS Lộc Sơn đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

- + Thành lập hội đồng tự đánh giá.
- + Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- + Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- + Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
- + Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- + Viết báo cáo tự đánh giá.
- + Công bố báo cáo tự đánh giá.

- Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 15 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ

trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

- Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

- Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

- Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 11/2024.

- Được công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 theo Quyết định số 1236/QĐ-SGDĐT ngày 16/12/2024; Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 25/12/2024.

Nơi nhận :

- UBND Phường (b/c)
- Phòng VHXXH (b/c)
- Các tổ chức trong nhà trường(t/h)
- PHT, tổ CM, tổ VP (t/h)

HIỆU TRƯỞNG

Đã kí